



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

IV#: 93481

VEWL.#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN HUU LI
Last Middle First

Current Address: 217/14 Thach Xuyen Duc - Hochiminh City

Date of Birth: 1927 Place of Birth: Quang Nam

Previous Occupation (before 1975) 2 - Colonel
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 06-15-75 To 10-26-1983
Years: 08 Months: 04 Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number	Relationship
<u>NGUYEN THI THANH</u>	<u>Cousin</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED:

From: Nguyen Thi Thanh

Reference IV # 93421

Oct. 10, 1989

Bà Hồ thân mến:

Tôi là người bảo lãnh cho ông Nguyễn Hữu Lý và tôi cũng là cháu ruột của ông ấy. Chúng tôi xin bà giúp cho chúng tôi một việc như sau: Nguyễn là tôi đã lập hồ sơ bảo lãnh cho bác tôi (ông Nguyễn Hữu Lý) từ năm 1984 qua tới USC và đã có số IV. Chúng tôi từng thời cũng đã nộp tiền cho Bangkok vào năm 1984. Nhưng đến nay vẫn chưa có giấy LOI. Bác tôi nằm trong diện miễn quân đi học tập cải tạo từ 15-6-75 đến 26-10-83. Nhân đây tôi xin gửi qua để bà lo hộ tẩu là ý kiến của bác tôi ở VN ông ấy cho tôi địa chỉ của bà và xin nhờ bà giúp cho.

Kèm theo đây tôi xin phép gửi đến bà toàn bộ giấy tờ của giấy tờ bảo lãnh cho bác của tôi. Xin bà giúp tôi để xin được giấy LOI để bác tôi có thể xin ra đi. A! Cũng xin nhắc đến một chuyện là ngày 10-10-87 của qua ở VN bác tôi đã được gọi đi bộ túc hệ ở. Song bác tôi cho chúng tôi hay rằng giấy LOI là cần thiết cho việc cấp giấy xuất cảnh. Vì vậy chúng tôi xin nhờ bà giúp đỡ cho.

Thành thật xin cảm ơn bà.

Nhân đây tôi xin đính kèm 1 cái check \$30.00 để giúp đỡ cho cả số tiền nguyên của bác tôi và xin bà vui lòng chấp nhận một chi phí này.

Thành thật cảm ơn.
Nguyễn Hữu Lý

(xin xem tiếp trang sau. (âm bản))

HAN PHUOC TRAN 9-89
OR HANH THI NGUYEN
430 APPOMATTOX 214 298-9828
MESQUITE, TX 75149

145

10/11 1989

32-79307110

Pay to the
order of

Family of Vietnam

\$ 30.00

Thirty and no cent

Dollars



DALLAS TEACHERS
CREDIT UNION
801 Elm Street • 4500 Ross Ave.
Dallas, Texas 75202-4500

For

Member

Nguyễn Hữu Lý

from: Nguyen Thi Thanh

Reference IV # 93481

Oct 10, 1989

Bà Cho thân mến:

Tôi là người bảo lãnh cho ông Nguyễn Hữu Lý và tôi cũng là cháu ruột của ông ấy. Chúng tôi xin bà giúp cho chúng tôi một iec như sau:

Nguyên là tôi đã lập hồ sơ bảo lãnh cho bác tôi (ông Nguyễn Hữu Lý) từ năm 1984 qua tới USC và đã có số IV. Chúng tôi tổng thời cũng đã nộp tiền cho Bangkok vào năm 1984. Nhưng đến nay vẫn chưa có giấy LOI. Bác tôi nằm trong diện miễn quan đi học tập cải tạo từ 15-6-75 đến 26-10-83. Nhân đây tôi xin gửi qua để bà lo hộ tẩu là ý kiến của bác tôi ở VN ông ấy cho tôi địa chỉ của bà và xin nhờ bà giúp cho.

Kèm theo đây tôi xin phép gửi đến bà toàn bộ giấy tờ của giấy tờ bảo lãnh cho bác của tôi. Xin bà giúp để để xin dùm giấy LOI để bác tôi có thể sớm ra đi. A' cũng xin nhắc đến một chuyện là ngày 10-10-89 vừa qua ở VN bác tôi đã được gọi đi bắt tức hồ sơ. Song bác tôi cho chúng tôi hay rằng giấy LOI là cần thiết cho việc cấp giấy xuất cảnh. Cho nên chúng tôi tha thiết xin bà giúp đỡ cho.

Thành thật xin cảm ơn bà.

Nhân đây tôi xin đính kèm 1 cái check \$30.00 để giúp đỡ cho công việc thiện nguyện của bà.

Xin bà vui lòng chấp nhận chút chi phí này.

Thành thật cảm ơn.

Nguyễn Huệ

(xin xem tiếp trang sau - cảm ơn)

TB: Khi gửi file đơn đ/c cũ của tôi:

Số phone (817) 641 - 3795

Sau đó
đổi lại

Địa chỉ bây giờ:

• Địa chỉ cũ của ông NGUYEN HUU LY khi file đơn:
57C Thai Phien

Danang VN

Địa chỉ mới:

242/9 Điện Biên Phủ

Danang VN

Số hiệu 350

KHAI SINH

Tên, họ đầu nhi :	NGUYỄN-THỊ-LIÊN-HUONG
Phái :	Nữ
Sinh :	Ngày mười hai tháng chín năm một ngàn chín trăm sáu mươi (Ngày, tháng, năm) (12.9.1960)
Tại :	Phường Đa Tú - Thị xã Quảng-Trị
Cha :	NGUYỄN-HỮU-LÝ
(tên, họ)	
Tuổi :	33 tuổi
Nghề :	Quân nhân Quân Đội Việt-Nam Cộng-Hòa
Cư trú tại :	Phường Đa Tú - Thị xã Quảng-Trị
Mẹ :	NGUYỄN-THỊ-TOÀN
(tên, họ)	
Tuổi :	27 tuổi
Nghề :	Hội trợ
Cư trú tại :	Phường Đa Tú - Thị xã Quảng-Trị
Vợ :	Vợ chồng
(Chánh hay thứ)	
Người khai :	NGUYỄN-HỮU-LÝ
(tên, họ)	
Tuổi :	33 tuổi
Nghề :	Quân nhân Quân Đội Việt-Nam Cộng-Hòa
Cư trú tại :	Phường Đa Tú - Thị xã Quảng-Trị
Ngày khai :	Mùng năm tháng mười năm một ngàn chín trăm sáu mươi (5.10.1960)
Người chứng thứ nhất :	LÊ - BÈ
(tên họ)	
Tuổi :	32 tuổi
Nghề :	Quân nhân Quân Đội Việt-Nam Cộng-Hòa
Cư trú tại :	Trung-đoàn 4 Thiết-Giap L.B.C. 4.586
Người chứng thứ nhì :	PHẠM-VĂN-TÊ
(tên, họ)	
Tuổi :	26 tuổi
Nghề :	Quân nhân Quân Đội Việt-Nam Cộng-Hòa
Cư trú tại :	Trung-đoàn 4 Thiết-Giap L.B.C. 4.586

Lập tại Xã Quảng-Trị ngày Mùng năm tháng mười năm

một ngàn chín trăm sáu mươi (5.10.1960)

Người khai, Hộ tại, Nhân chứng,

NGUYỄN-HỮU-LÝ

Mai-BIEN Kê Kiem Hoi-Vien Ho-Tich

LÊ - BÈ

NHÂN-THIỆT

ĐẠI-ĐIỆN QUANG-TRỊ

ĐỒ - NGUU

PHẠM-VĂN-TÊ

CHỨNG-NHẬN CHỮ-KÝ

CỦA ONG Đài-Điễn
ĐẠI-ĐIỆN QUANG-TRỊ
VÀ KHUẬN Quảng-Trị
QUANG-TRỊ TH 10/10/60
T. QUANG-TRỊ
K. QUANG-TRỊ

ĐỒ - NGUU

TỈNH QUANG-TRỊ

KHAI SANH

Số hiệu: 138

NH 1a Trắc-Mai 98-NBap

Tên họ đủ nhì	NGUYỄN-THỊ-VÂN
Phái	Nam
Sinh ngày tháng năm năm một ngàn chín trăm	sinh mười lăm (05.12.64)
(Ngày, tháng, năm)	
Tại	Phụ tá-tư-phần Thi-tri-hình
Cha	NGUYỄN-THỊ-LÝ
(Tên, họ)	
Tuổi	17 tuổi
Nghề	Viên-nhân
Cư-trú tại	Khu 4-586
Mẹ	NGUYỄN-THỊ-TUÂN
(Tên, họ)	
Tuổi	31 tuổi
Nghề	N. 1 - trợ
Cư-trú tại	11, Thôn-phù-Vương Bình-nh
Vợ	Chánh
(Chánh hay phó)	
Người khai	NGUYỄN-THỊ-LÝ
(Tên, họ)	
Tuổi	37 tuổi
Nghề	Viên-nhân
Cư-trú tại	Khu 4-586
Ngày khai	mười hai tháng năm năm một ngàn chín
	trăm sáu mươi bốn (12.05.64)
Người chứng thứ nhất	Giấy chứng nhận có tại do an
(Tên, họ)	
Tuổi	Đã Pham-thị-DUNG cấp ngày 8.5.64
Nghề	
Cư-trú tại	
Người chứng thứ hai	
(Tên, họ)	
Tuổi	
Nghề	
Cư-trú tại	

Lập tại xã Bình-thiền ngày 22 tháng 5 năm 1964
 Người khai Hồ lý Nhân chứng

Nguyễn-Thị-Lý

Giấy chứng nhận

(Signature)

Phạm Văn Xén 1964

Số hiệu

375

KHAI SANH

Tên, họ và đệm: NGUYỄN-HỮU-TRIẾT

Phái: Nam

Sinh ngày hai mươi chín tháng chín năm một ngàn
(ngày, tháng, năm)
chín trăm sáu mươi hai (29.9.1962)

Tại: Thôn Đê-Tứ - Thị-xã Quảng-Trị

Cha: NGUYỄN-HỮU-LÝ
(tên, họ)

Tuổi: 35 tuổi

Nghề nghiệp: Quân-nhân Q.D.V.N.C.H.

Cư-trú tại: đường Duy-tân, Thôn Đê-tứ, Thị-xã Quảng-trị

Mẹ: NGUYỄN-THỊ-TOÀN
(tên, họ)

Tuổi: 29 tuổi

Nghề nghiệp: Nội trợ

Cư-trú tại: đường Duy-tân, Thôn Đê-Tứ, Thị-xã Quảng-trị

Vợ: Vợ chánh
(chánh hay thừa)Người khai: NGUYỄN-HỮU-LÝ
(tên, họ)

Tuổi: 35 tuổi

Nghề nghiệp: Quân-nhân Q.D.V.N.C.H.

Cư-trú tại: đường Duy-tân, Thôn Đê-tứ, Thị-xã Quảng-trị

Ngày khai: hai mươi tám tháng mười năm một ngàn
chín trăm sáu mươi hai (18.10.1962)Người chứng tỏ chất: TRƯƠNG-DUY-BÁU
(tên, họ)

Tuổi: 30 tuổi

Nghề nghiệp: Quân-nhân Q.D.V.N.C.H.

Cư-trú tại: Trung-Đoàn 4 Thiết-giáp KBC. 4.586

Người chứng tỏ chất: MAI - BÍ
(tên, họ)

Tuổi: 29 tuổi

Nghề nghiệp: Quân-nhân Q.D.V.N.C.H.

Cư-trú tại: Trung-Đoàn 4 Thiết-giáp KBC. 4.586

Lập tại: Quảng-trị, ngày 18 - 10 - 62

Người khai

NGUYỄN-HỮU-LÝ

Họ, tại

Nhân chứng,

TRƯƠNG-DUY-BÁU

MAI - BÍ

CHỖ NGƯỜI KHAI: NGUYỄN-HỮU-LÝ
 CHỖ NGƯỜI CHỨNG TỐ CHẤT: TRƯƠNG-DUY-BÁU
 TẠI ĐIỂM HỘI ĐỒNG XÃ QUẢNG-TRỊ

Nguyễn Đức Thi

316

Tên họ (tên thật) NGUYEN - HUU - VAN

Phối YAN

Sinh ngày 08/01/1964 tại sau mười sáu (30-8-1964)

Tên Dương Dương THANH PHUOC DANANG

Cho NGUYEN - HUU - LY

(Tên họ)

Tuổi sinh năm 1927

Nghề Quân nhân

Cv - số tại HQ. 3551

Mẹ NGUYEN - THI - HOAN

(Tên họ)

Tuổi sinh năm 1933

Nghề nội trợ

Cv - số tại HQ. Trung Bu Vương Danang

Vợ Vợ chính

(Chức hay chức)

Người khai NGUYEN - HUU - LY

(Tên họ)

Tuổi sinh năm 1947

Nghề Quân nhân

Cv - số tại HQ. 3551

Ngày khai ngày hai mươi chín tháng chín năm một nghìn chín trăm sáu mươi sáu (29-9-1966)

Người chứng thứ nhất GIANG CHUNG NHAN của nhà 38

(Tên họ)

Tuổi sinh Dương Dương PHUOC 05

Nghề 263 Phấn chủ Trình Danang

Cv - số tại cấp ngày 10-2-1966.

Người chứng thứ nhì

(Tên họ)

Tuổi

Nghề

Cv - số tại

Người khai: Bộ phận Nhân chứng:

Giấy chung nhà
của nhà Ho-sinh

Birth Date: 01/01/1968



VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

Tỉnh ĐÀ NẴNG

Quận NHẤT

Xã-Phường BÌNH HIỆN

Số hiệu 028

TRÍCH LỤC BỘ KHAI SINH

Lập ngày 15 tháng 3 năm 1973

Tên họ đứa trẻ NGUYỄN HỮU HÙNG

Con trai hay con gái Nam

Ngày sinh hai mươi một tháng hai năm một ngàn chín trăm bảy mươi ba. (21.2.73)

Nơi sinh Đường Đường Thánh Pháo Lũ Đà Nẵng

Tên họ người cha NGUYỄN HỮU LÝ

Tên họ người mẹ NGUYỄN THỊ TOÀN

Vợ chánh hay không có hôn thú Chánh

Tên họ người đứng khai NGUYỄN HỮU LÝ

MIỀN THI-THỰC

THAM CHIẾU SẮC LỆNH SỐ 127/SL
NGÀY 12-71 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH-PHỦ

TRÍCH LỤC Y BẢN CHÍNH

BÌNH HIỆN ngày 15 tháng 3 năm 1973



Trương Trãi Quyết

Số hiệu 725

KHAI-SINH

Tên họ ấu nhi	NGUYỄN-HỮU-HÀO
Phái	Nam
Sinh (Ngày, tháng, năm)	ngày mười hai, tháng mười, năm một ngàn chín trăm sáu mươi tám (12/10/1968)
Tại	Đường Dương Thánh Phaolô ĐÀ-NẴNG
Cha (Tên họ)	NGUYỄN-HỮU-LÝ
Tuổi	Sinh năm 1927
Nghề	Quân-nhân
Cư-trú-tại	KBC 4586
Mẹ (Tên họ)	NGUYỄN-THỊ-TỎAN
Tuổi	Sinh năm 1933
Nghề	Nội-Trợ
Cư-trú-tại	116 Trưng-nữ-vương ĐÀ-NẴNG
Vợ (Tên họ)	Chánh
Người khai (Tên họ)	Nguyễn-hữu-Lý
Tuổi	Sinh năm 1927
Nghề	Quân-nhân
Cư-trú-tại	KBC 4586
Ngày khai	ngày chín tháng mười một năm một ngàn chín trăm sáu mươi tám (9/10/1968)
Người chứng thứ nhất (Tên họ)	Giấy chứng nhận của
Tuổi	Đường-Đương thánh Phaolô
Nghề	Số 263 Phan-chu-Trinh
Cư-trú-tại	Đà-Nẵng cấp ngày 17/10/1968
Người chứng thứ nhì (Tên họ)	
Tuổi	
Nghề	
Cư-trú-tại	



TRẦN-VAN-TRÌNH
Khu vực II, ngày 11/10/1968
PHO QUẢN LÝ

Lập tại xã Bình-Thuận, ngày 9 tháng 11 năm 1968
Người khai, NGUYỄN-HỮU-LÝ, Hộ lại, PHUNG TRÍCH-LỤC, Nhân chứng, Giấy chứng-nhận Phaolô
BÌNH-THUẬN ngày 12 thg 11 năm 1968
CHỦ-TỊCH Ủ.B.H.C



TRẦN-VAN-TRÌNH



Nguyễn Hữu Lý
20-09-1927 Quảng Nam



Nguyễn Thị Cỏn
01-05-1933 Quảng Nam



Nguyễn Thị Lê Chi
23-10-1955 Quảng Nam



Nguyễn Thị Liên Hương
12-09-1960 Quảng Trị



Nguyễn Hữu Trí
29-09-1962 Quảng Trị



Nguyễn Hữu Chung
08-05-1964 Đà Nẵng



Nguyễn Hữu Văn
30-10-1966 Đà Nẵng



Nguyễn Hữu Thảo
12-10-1968 Đà Nẵng



Nguyễn Hữu Hùng
21-02-1973 Đà Nẵng

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘP ĐƠN

Date: April 30, 1984
Ngày:

A. Basic Identification Data
Lý lịch căn-bản

1. Name
Họ, Tên : NGUYEN-HUU-LY

2. Other Names
Họ, Tên Khác : none

3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : September 22, 1927 at Quangnam/Vietnam

4. Residence Address
Địa-chỉ Thường-trú : Temporary : 631 Thoai-ngoc-Hau Street/Hanbinh
Hochiminh city / Vietnam

5. Mailing Address
Địa-chỉ Thư-tử : 217/14 Thich-quang-Duc Street/Hunhuan
Hochiminh city / Vietnam

6. Current Occupation
Nghề-Nghiep : Unemployed

B. Relatives To Accompany Me
Bà Con Cũng Đi Với Tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), widowed (W), or Single (S).)
(Chú-Y: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia-đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm Sinh	Place of Birth Nơi Sinh	Sex Phái	MS Tình Trạng Gia Đình	Relationship Liên-Hệ Gia-đình
1. <u>Nguyen-thi-TOAN</u>	<u>May 01, 1939</u>	<u>Quangnam</u>	<u>F</u>	<u>"</u>	<u>Spouse</u>
2. <u>Nguyen-thi-LI CHU</u>	<u>Oct 23, 1955</u>	<u>Quangnam</u>	<u>F</u>	<u>S</u>	<u>Daughter</u>
3. <u>Nguyen-thi-LI THI</u>	<u>Sept 12, 1960</u>	<u>Quangtri</u>	<u>F</u>	<u>"</u>	<u>Daughter</u>
4. <u>Nguyen-huu-THI B</u>	<u>Sept 29, 1960</u>	<u>Quangtri</u>	<u>M</u>	<u>S</u>	<u>Son</u>
5. <u>Nguyen-huu-HUYEN</u>	<u>May 08, 1964</u>	<u>Quang</u>	<u>M</u>	<u>S</u>	<u>Son</u>
6. <u>Nguyen-huu-VAN</u>	<u>Aug 30, 1966</u>	<u>Quang</u>	<u>M</u>	<u>S</u>	<u>Son</u>
7. <u>Nguyen-huu-HI A</u>	<u>Oct 12, 1968</u>	<u>Quang</u>	<u>M</u>	<u>S</u>	<u>Son</u>
8. <u>Nguyen-huu-HUNG</u>	<u>Feb 21, 1973</u>	<u>Quang</u>	<u>M</u>	<u>S</u>	<u>Son</u>

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced) spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ-Y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giá-thủ (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngụ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam
Họ Hàng Ở Ngoại Quốc

1. Closest Relative In the U.S.

Bà Con Thân Thuộc Nhất Ở Hoa-Kỳ

a. Name Họ, Tên	<u>Mrs. Nguyen-thi-THANH</u> <u>Miss Nguyen-thi-THANH</u>	<u>Tran-van-LY</u>
b. Relationship Liên-Hệ Gia-Đình	<u>Brother</u>	<u>Brother in law</u>
c. Address Địa-Chỉ	<u>600 North Brazos</u> <u>Cleburne TX 76031 USA</u>	<u>375 So 4 th Street / 1</u> <u>San Jose CA 95142 USA</u>

2. Closest Relative in Other Foreign Countries/
Bà Con Thân-Thuộc Nhất ở Các Nước Khác

a. Name
Họ, Tên : Nguyen-huu-UI Nguyen-huu-UI

b. Relationship Brother Son

Liên-Hệ Gia-Đình :

c. Address 89 James Gray Drive 2/24 Macquarie Road
Địa-Chỉ : Willowdale/ONT M2H 1A8 Auburn NSW
Canada Australia 2144

D. Complete Family Listing (Living/Dead)
Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

	Name Họ, Tên	Address Địa-Chỉ
1. Father Cha :	Nguyen - H U	Dead
2. Mother Mẹ :	Dang-thi- H U E	Dead
3. Spouse Vợ/Chồng:	Nguyen-thi- TOAN	54C Thaiphien St , Danang/Vietnam
4. Former Spouse (if any) Vợ/Chồng Trước (nếu có):		
5. Children Con Cái :	(1) <u>Nguyen-thi- THI</u>	<u>54C Thaiphien St , Danang/Vietnam</u>
	(2) <u>Nguyen-huu- UI</u>	<u>2/24 Macquarie Rd Auburn NSW/Australia 2144</u>
	(3) <u>Nguyen-thi- THI HUNG</u>	<u>54C Thaiphien St , Danang/Vietnam</u>
	(4) <u>Nguyen-huu- THI</u>	"
	(5) <u>Nguyen-huu- THUY</u>	"
	(6) <u>Nguyen-huu- VAN</u>	"
	(7) <u>Nguyen-huu- HAO</u>	"
	(8) <u>Nguyen-huu- HUNG</u>	"
	(9) _____	
	(10) _____	

6. Siblings

Anh Chị Em: (1) Nguyen-huu- UI, 89 James Gray Dr, Willowdale, ONT M2H 1A8 Canada

(2) Nguyen-huu- THI, Danang / Vietnam

(3) Nguyen-thi- THI, Danang / Vietnam

(4) Nguyen-thi- THI, "

(5) Nguyen-thi- Nhi, "

(6) _____

(7) _____

(8) _____

(9) _____

(10) _____

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organizations of you or your Spouse
Bạn Hoặc Vợ/Chồng Đã có Làm Việc cho Công-sở của Chính-phủ Mỹ hoặc Hãng Mỹ

1. Name of Person Employed:
Họ Tên Nhân-Viên: _____

2. Dates: From: _____ To: _____
Ngày, Tháng, Năm Từ: 1 _____ Tối: _____
2 _____
3 _____
4 _____

3. Title of (Last) Positions Held

Chức-vụ Công-Việc : 1 _____
2 _____
3 _____
4 _____

4. Agency/Company/Office

Số/Hàng/Văn-Phòng : 1 _____
2 _____
3 _____
4 _____

5. Name of (Last) Supervisor

Tên Họ Người Giám-Thị : 1 _____
2 _____
3 _____
4 _____

6. Reason for Leaving

Lý-Do Ra Đi : 1 _____
2 _____
3 _____
4 _____

7. Training for Job in Vietnam:

Nghề-Nghiệp Huấn Luyện tại Việt-Nam: _____

F. Service with ~~GVN~~ or RVNAF By You Or Your Spouse
Ban Hoặc Vợ/Chồng Đã Công-vụ với Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving

Họ Tên Người Tham-Gia : NGUYEN-HUU-LY

2. Dates:

Ngày, Tháng, Năm From: Oct 09, 1949 To April 30, 1975
TR : Tới:

3. Last Rank

Cấp-bậc Cuối-Cùng : Lieutenant Colonel

4. Ministry/Office/Military Unit

Bộ/sở/Đơn-Vị/Binh-Chúng : 11th Armor Squadron Commander
3rd Infantry Division / RVNAF

5. Name of Supervisor/C.O.

Họ Tên Người Giám-Thị/Sĩ-Quan Chỉ-Huy : General Commander Nguyen-duy-HINH

6. Reason for Leaving

Lý do Ra Đi : Unable to live under the Vietnam Communist Regime

7. Names of American Advisor(s):

Họ Tên Cố-Vấn Mỹ : Major Buttrick (1965) Major Strauss (1970)
- Swain (1968) Major Crox (1971)
Captain Temple (1969) Colonel Carpentier (Advisor in
Chief of South Vietnam Armor Force)

8. U.S. Training Courses in Vietnam:

Chương-Trình Huấn-Luyện Hoa-Kỹ : U.S. M48 tank training Section at Quang Tri, Vietnam
Tại Việt-Nam : in order to take over when U.S. Army withdrew in 1970

9. U.S. Awards or Certificates :

Giấy Ban-Khen Hoặc chứng-thư do Hoa-Kỳ cấp : 1 US Army Commendation Medal (1970)
1 US Unit Citation of US Ministry of Defense (1971)

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.)

Available? Yes ☐ No ☐

(CHÚ-Y: Xin ban Kèm Theo Bất cứ Văn-Băng, Giấy Ban-Khen, hoặc Chứng-Thư nếu có.)

Đúng sự có không? Có ☒ Không ☐ Loss due to 1975 evacuation

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse
Bạn Hoặc Vợ/Chồng Đã Huấn Luyện Ở Ngoài Quốc

1. Name of Student/Trainee:
Họ Tên Sinh-Viên/Người Được Huấn-Luyện: NGUYEN-HUU-LY
2. School and School Address :
Trường và Địa-Chỉ Nhà Trường : Armor Training School at Fort Knox/Kentucky/
USA (combat training department)
3. Dates: From To
Ngày, Tháng, Năm Từ : Feb 1962 Đến : May 1962
4. Description of Courses :
Mô-Tả Ngành Học : Armor Commo Course
5. Who paid for training? :
Ai Đãi-Thọ Chương-Trình Huấn-Luyện? : US Combat Training Department

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes No .)
(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ-thị nếu có. Bạn có hay không? Có Không)

H. Re-education of You or Your Spouse
Bạn Hoặc Vợ/Chồng Đã Học-tập Cải-Tạo

1. Name of Person in Reeducation:
Họ Tên Người Đi Học-Tập Cải-Tạo : NGUYEN-HUU-LY
2. Total time in Reeducation: 08 years 04 months 11 days
Tổng-Cộng Thời Gian Học Tập Cải-Tạo: năm tháng Ngày
(from June 15, 1975 to October 26, 1983)
3. Still in Reeducation? * Yes No
Vẫn Còn Học-Tập Cải-Tạo? * Có Không

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)
*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?
Ghi Chú Phụ Thuộc

- 1) Only my self presently reside in HOCHIMINH city (address above) and all my spouse and children still live in HANOI city (address : 547 Hai Hien Street) .
- 2) In case of any necessary communication, it could be contacted the following person : Mr HUU-BA, Nguyen (brother)
89 James Gray Drive/ Willowdale/ ONT M2H 1N8 /Canada

Signature
Ký Tên : [Signature]

Date
Ngày: April 30, 1984

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire
Xin Nêu Ra Tất Cả Giấy-tờ Kèm Theo với sổ Câu Hỏi Này

1 birth certificate
1 marriage certificate
1 reeducation camp release certificate
0 photos

Mail this form to: Orderly Departure Program Office
131 Soi Tien Siang
Sathorn Tai Road
Bangkok 10120, Thailand

Tỉnh (Province) Quang Nam

Số hiệu Tram

Phủ Huyện Định Bàn

N^o 8

Làng phường Hội An
Village, quartier

GIẤY KHAI GIA THƯ

ACTE DE MARIAGE

Tên họ người chồng
Nom et prénom du mari

Nguyễn Văn

Người chồng làm nghề nghiệp gì và ở đâu, làng, huyện, tỉnh nào
Sa profession et son domicile

Đang làm việc ở quân khu
Militaire

Người chồng sinh ngày, tháng, năm nào, sinh ở đâu và chánh quán ở đâu
Date et lieu de sa naissance

Hai mươi tháng chín năm một ngàn chín trăm
hai mươi bảy Quảng Nam

Tên họ ông thân người chồng
Nom et prénom du père du mari

Nguyễn Văn

Ông thân người chồng mấy tuổi, nghề nghiệp, sinh quán và chánh quán

Sinh năm một ngàn chín trăm
hai mươi bảy Quảng Nam

Son âge, sa profession, son origine et son domicile

Tên họ bà mẹ người chồng
Nom et prénom de la mère du mari

Đặng Thị Huệ

Bà mẹ người chồng mấy tuổi, nghề nghiệp, sinh quán và chánh quán

Chết
đi

Tên họ người vợ
Nom et prénom de l'épouse

Nguyễn Thị

Người vợ làm nghề gì và ở đâu, làng, huyện, tỉnh nào
Sa profession et son domicile

Sinh năm một ngàn chín trăm
hai mươi bảy Quảng Nam

Người vợ sinh ngày, tháng, năm nào, sinh ở đâu và chánh quán ở đâu
Date et lieu de sa naissance

Hai mươi tháng chín năm một ngàn chín trăm
hai mươi bảy Quảng Nam

Tên họ ông thân người vợ
Nom et prénom du père de l'épouse

Nguyễn Văn

Ông thân người vợ mấy tuổi, nghề nghiệp, sinh quán và chánh quán
Son âge, sa profession son origine et son domicile

Sinh năm một ngàn chín trăm
hai mươi bảy Quảng Nam

vu pour la signature de la signature du Secrétaire Général

P. Le chef de la Province de Quang-Nam P.O



1954

Tên, họ bà mẹ người vợ Nom et prénom de la mère de l'épouse	Nguyễn Thị Chính
Bà mẹ người vợ mấy tuổi, nghề gì sinh quán và chánh quán Son âge, sa profession, son origine et son domicile	Hiện năm 30 tuổi, sinh ra ở làng quê Thị trấn Mường Hối, xã Hòa An, Quảng Nam, nơi ở hiện tại là làng Thị trấn Mường Hối, xã Hòa An, Quảng Nam, domicile au quartier de Hòa An, ville de Hanoi
Tên, họ tuổi nghề nghiệp, chỗ ở sinh quán và chánh quán người làm chứng thứ nhất nếu cha mẹ đôi bên đều có đứng vào giấy khai này thì không cần người chứng Nom, prénoms, âge profession domici- cile et origine du 1er témoin	Nguyễn Hùng, 30 tuổi, nghề nghiệp làm chứng thứ nhất, sinh ra ở làng Thị trấn Mường Hối, xã Hòa An, Quảng Nam, domicile au quartier de Hòa An, ville de Hanoi
Tên, họ tuổi nghề nghiệp chỗ ở sinh quán và chánh quán của người làm chứng thứ nhì Nom, prénoms, âge profession, domici- cile et origine 2 témoins	Nguyễn Hùng, 30 tuổi, nghề nghiệp làm chứng thứ nhì, sinh ra ở làng Thị trấn Mường Hối, xã Hòa An, Quảng Nam, domicile au quartier de Hòa An, ville de Hanoi
Cưới ngày, tháng năm nào Date du mariage	Mười chín tháng bảy năm một nghìn chín trăm một nghìn một trăm năm mươi năm
Cưới làm vợ chánh, vợ kế hay vợ thứ Femme légitime ou concubine	Vợ chánh Femme légitime

Giấy này làm tại (Fait à)

ngày (le) 19 tháng (mois) 7 năm (année) 1911

Ông thân
Người chồng (N)

Ông thân
Người vợ (1)

Bà mẹ
Người chồng (1)

Bà mẹ
Người vợ (1)

Nhân thưc
Tri-bộ làng
(L'Officier d'E.C.)

Nguyễn Văn...

Nguyễn Văn...

Nguyễn Thị Chính...

Người chồng 1

Người vợ 1

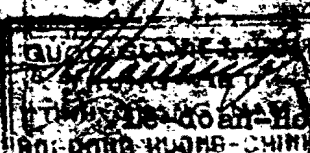
Người làm chứng thứ nhất 1

Người làm chứng thứ nhì 1

Nhân thưc chủ tịch
qua Ủy-Viên Hộ-Tôn
Tông, thị ky HDH 301-An.



Trên đây là công chứng của...



Chữ này không dùng phải kéo một nét...

Tên họ, tuổi, nghề-nghiệp, sanh: NGUYEN-PHUNG, ba mươi chín tuổi,
chánh quán và chủ ở của người công-chức, sanh, chánh và tru quan
làm chứng thứ nhất : xã Vĩnh-Tân, Quận Điện-Bàn, Tỉnh
Quang-Nam

Tên họ, tuổi, nghề-nghiệp, sanh: NGUYEN-PHAT, năm mươi hai tuổi,
chánh quán và chủ ở của người làm ruộng, sanh, chánh và tru quan
làm chứng thứ hai : xã Vĩnh-Tân, Quận Điện-Bàn, Tỉnh
Quang-Nam

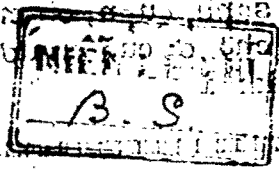
Cây khai này làm tại xã Vĩnh-Tân
ngay hai mươi lăm tháng mười năm một ngàn chín
trăm năm mươi lăm.

Người khai : NGUYEN-HUU- LY
Người làm chứng thứ nhất NGUYEN-PHUNG
Người làm chứng thứ hai NGUYEN-PHAT

Hương-Bô
NGUYEN-THIET

PHUNG TRICH-LUC

KV. BAN-ĐIEN XÃ VĨNH-TÂN S.X.
Hàng-Tai-Sinh-Vũ
Xã-Lý-Nguyên-Vũ



L. B. DINH-CHIEU

Tỉnh QUANG-NAM
QUẬN ĐIỆN-BÀN
TỈNH QUANG-NAM

GIẤY KHAI-SINH
-0-0-0-

Số hiệu 12

Tên họ người con mới sinh : NGUYỄN-THỊ-LE-CHI
Con trai hay con gái : Con gái
Sinh ngày, tháng, năm nào : Sinh ngày hai mươi ba tháng mười năm
mốt ngàn chín trăm năm mươi lăm.
Sinh tại đâu : Sinh tại Xã Vĩnh-Tân (làng An-nhon cũ)
Quận Điện-Bàn, Tỉnh Quang-Nam
Tên họ, tuổi, nghề-nghiệp : NGUYỄN-HỮU-LÝ hai mươi tám tuổi, Hạng
sanh, quan, chánh quan và chỗ : quan CHỖGVN., sanh và chánh quan làng
ở của người cha : An-nhon cũ (Liên-xã Vĩnh-Tân) Quận Điện-
Bàn, Tỉnh Quang-Nam, trụ tại xã Vĩnh-Tân
Quận Điện-Bàn, Tỉnh Quang-Nam.
Tên họ, tuổi, nghề-nghiệp : NGUYỄN-THỊ-TOÀN, hai mươi hai tuổi, nội
sanh, quan, chánh quan và : trợ, sanh và chánh quan làng Thanh-
chỗ ở của người mẹ (nếu : chiêm cũ (Liên-xã Vĩnh-Tân) Quận Điện-
người khai không biết mẹ : Bàn, Tỉnh Quang-Nam, trụ tại xã Vĩnh-
đưa con mới sanh là ai : Tân, Quận Điện-Bàn, Tỉnh Quang-Nam.
thời khoảng nay đã trông :
Ngôi thứ của người mẹ :
(nếu cha mẹ có gia-thu : Vợ chánh
hợp pháp thì kê bên này :
vợ chánh, vợ kế hay vợ thứ):
Tên họ, tuổi, nghề-nghiệp : NGUYỄN-HỮU-LÝ hai mươi tám tuổi, sanh,
sanh, quan, chánh quan và : chánh và trụ quan tại làng An-nhon cũ
chỗ ở của người (hay những) : (Liên xã Vĩnh-Tân) Quận Điện-Bàn, Tỉnh
khai : Quang-Nam.

VIỆT-NAM ĐỒNG-HÒA
SỞ TƯ-PHÁP TRUNG-PHẦN
TÒA HÒA GIẢI HỒI-AN

Ngày 6 tháng 6 năm 19 55
CHỨNG CHỈ THAY QUẤY
Khai-sinh
Nguyễn thị-Toàn
Số 1648 /T.A.

Năm một ngàn chín trăm năm mươi lăm
ngày SAU tháng SAU hồi 10 giờ
Trước mặt chúng tôi là HUYNH-HUU-VAN
Thẩm-Phán Tòa Hòa-Giải Việt-Nam.
ngồi tại Văn-Phòng ở Tòa Hòa-Giải HỒI-AN
có Lọc-sự NGUYỄN THỊ góp oặc

ĐÁ ĐẾN HẬU:

NGUYỄN TUL-CHINH, 49 tuổi, nghề-nghiep Đoàn-ban
chánh quán làng Thanh-chiến, Diên-bản, Quang-nam
trở quán làng 64 16-161 Thi-xa HỒI-AN.
thẻ TK căn cước số 8000145 ngày 8-9-1955
do Ty Cảnh-sat HỒI-AN cấp.
Thỉnh cầu Tòa-Án cấp một chứng chỉ khai-sinh cho con
y, sinh ngày 1-6-1933 tại Thanh-chiến, Diên-bản
theo như đơn đề tại bản Tòa ngày 6-6-1955

Đương sự có ba người nhận chứng sau đây để chứng thực lời khai của y

- 1) O. NGUYỄN TANG-CHUONG, 23 tuổi, ở công, tổ khai căn cước
A0044 ngày 30-9-55 do Phái-viên HC Phụ-ky cấp, chánh quan
Ngũ-Thôn, Diên-bản, Quang-nam, hiện trú Phương Minh-Hương,
Thi-xa HỒI-AN.
- 2) O. NGO-MY, 59 tuổi, nghề dệt, tổ khai căn cước số 1000482
ngày 22-9-55 do Ty Cảnh-sat HỒI-AN cấp, chánh quan Ngũ-
Thôn, Diên-bản, Quang-nam, hiện trú số 70 Cường-Dĩ HỒI-AN.
- 3) O. DO-CAO-SON, 39 tuổi, làm nghề dệt, tổ khai căn cước số
A000327 ngày 20-9-55 do quân Diên-bản cấp, chánh quan Cầu-
Khí, Diên-bản, Quang-nam, hiện trú số 70 Cường-Dĩ HỒI-AN.

Những nhân chứng này đã tuyên thệ và quyết biết chắc tên

NGUYỄN THỊ-TOÀN, Quốc-tịch Việt-nam, sinh ngày 10/7 tháng
NAM NĂM MỘT NGÀN CHÍN TRĂM BA MƯƠI BA (1/5/1933) tại làng
Thanh-chiến, quận Diên-bản, tỉnh Quảng-Nam, con gái ông
NGUYỄN-QUY và bà NGUYỄN THỊ-CHINH, vợ chính thất.

Thống kê các phương tiện cơ giới trên địa bàn

100

LUC 512 THAM PHAM

THẨM - PHÁN

LUXEMBURG VAN

Người đứng

BY THE NGUYEN TRI GIEM

Hiện là phi trước bà và con nôm
Chiều Diêu là nghi đình số 742/SG

AGAY 17-11-1047✓.

THE END.

NY TEN HUTMI-NI U-VAR

Trués de tal HUI-AN (Faisoo)

Ngày 6 tháng 6 năm 1968

Quyen 22 45 27 20 405
ThAn : 414

CHU-SU.

BY THE COURT: WILLIAM J. STEWART, J.

Sao y chanh ban ton tru tai phong
Luc-su Toa Hoa-Giai NOI-AN tinh Quang-nam

POI-AM, ngày 6 tháng 7 năm 1960

LUC - 100

MIỄN THUẾ TÊN

NOTES

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

SỞ TƯ PHÁP HUẾ

Việt pháp lý số 89

Ngày 16/4/64

Tòa HOA GIẢI ĐONG QUYỀN QUẢNG-TRỊ

BIÊN BẢN THỂ VI KHAI-SINH

Ci. Nguyễn-hữu-Lý.

Năm một ngàn chín trăm

Ngày Mười chín

sau mươi bốn

Trước mặt chúng tôi là

Tòa

LÊ-VAN-TRƯỜNG, Chánh-Ấn,

có O. H.G.R.Q. Quảng-trị.

Lục-sự ngồi giúp việc.

có (tên dưới và quá chỉ nguyên đơn)

Nguyễn-hữu-Lý, sinh năm

1927, trú thôn Đệ-Tứ, Xã Quảng-trị, Tỉnh Quảng-trị, căn-cước số 141615 cấp tại quận Hải-Lang, tỉnh Quảng-trị, ngày 29.3.1962.

trình rằng hiện y không thể xin sao lục giấy

Khải-sinh của y

Nguyễn-hữu-Lý.

Hội này tại TRUNG-PHÂN chưa thiết-lập nhân thể-bộ

nên yêu cầu Bản-lòa bằng vào lời khai của nhân chứng có tên tuổi

quán-chỉ do y triệu gọi đến để lập cho y biên bản thay thế chứng-thư

hộ-lịch nói trên.

như vậy

Liên đó có đến trình diện.

1) Nguyễn-văn-Vinh, 38 tuổi, trú KBC.4.586 căn-cước số 065555 cấp tại Quận Cam-Lộ, Tỉnh Quảng-trị, ngày 5.9.1962.

2) Nguyễn-trọng-Kỳ, 29 tuổi, trú thôn Thạch-hãn, quận Hải-Lang, Tỉnh Quảng-trị, căn-cước số 008457 cấp tại Quận Hải-Lang, Tỉnh Quảng-trị, ngày 9.3.1962.

Đào-Điền, 25 tuổi, trú KBC.4.453 căn-cước số 247206 cấp tại quận Cảnh-sát Thành-nội-Huế, ngày 10/II/1962.

Ba nhân chứng trên này sau khi nghe đọc các khoản nói trên, và theo điều 337 hình luật Trung-Việt phát-tội nguy cơng việc HỘ, đã tuyên thệ và chứng thât có biết rằng

Nguyễn-hữu-Lý, con trai, Việt-tịch, đã sinh

ngày Hai mươi, tháng chín, năm một ngàn chín trăm hai mươi bảy (20.9.1927) tại làng Thanh-Chi, xã Thanh-Bản, Tỉnh Quảng-Nam, con Ông Nguyễn-Huân và bà Đặng-thị-Huê (đều-sống).

.....



Hiện nay đương-sự không thể xin sao lục giấy Khai-sinh của y
nói trên được vì những lý-do đã nêu trên.

chiếu giấy.

Bởi vậy Bản Tòa chiếu theo sự kiện trên và chiếu điều 47 và điều 48
Trung-Việt Hộ-luật lập biên bản để thế vì Khai-sinh cấp cho Ông:
Nguyễn-hữu-Lý

theo như đơn xin đã đệ tại Bản Tòa ngày 17.4.1964

Làm tại Tòa **Ấn Quang-trị** ngày, tháng, năm nêu trên, sau
khi đọc lại đương-sự và các nhân hứng đều có ký tên dưới đây với
chúng tôi và Ông Lục-sự.

Lục-Sự

Chánh-ấn

Đã ký : **NGUYỄN-TÂN**

Đã ký : **LÊ-VĂN-TRƯỜNG**

Nhân chứng ký tên

Đương sự ký tên

Nguyễn-văn-Định / Nguyễn-trọng-Kỷ

Nguyễn-hữu-Lý

Đào-Điều

Trước-ba tại Huế

Ngày 17 tháng 4 năm 1964
Quyền **60/4**
Thước **60/4**
CHỦ-SỰ

S A O Y CHÁNH BẢN

Ký tên không rõ và đóng dấu

Quang-trị, ngày 17 tháng 4 năm 1964

CHÁNH-LỤC-SỰ



Nguyễn-Cẩn

LÊ-PHÍ BÀN SÁO TRỊ SINH 306

migration and refugee services

AN AGENCY OF CATHOLIC CHARITIES—DIOCESE OF DALLAS

3845 Oak Lawn Avenue • Dallas, Texas 75219 • (214) 528-4870

SPONSOR'S RESPONSIBILITY

My name is: NGUYEN THI BINH THI Alien # 1 2500 4 832

Present Address: _____ Phone # _____

Currently employed by: TRAVEL INCORPORATION

Phone # _____

Our combined income is 25000⁰⁰/year No. of dependents 1

I duly accept full responsibility in sponsoring the following

-Indochinese refugee(s), who are my NGUYEN THI BINH THI 1X
and pledge my efforts to help him/her/them resettle here in
Dallas County, Texas. I understand that my responsibilities are,
but not limited to:

1. Arranging for the refugee(s) to be met at the Dallas/Fort Worth Airport after being informed by USCC staff.
2. Providing temporary room and board for the refugee(s).
3. Providing transportation for the refugee(s) to and from health clinic or hospital when sick.
4. Assisting in finding jobs for the employable refugee(s) and locating permanent housing.
5. Assisting the refugee(s) to apply for Social Security cards and to register refugee(s) children in school.
6. Other social services as required.

I further agree that I will do everything in my power to prevent this family becoming public charges.

Thi Binh Thi
Sponsor's Signature

Witnessed by: Thi Binh Thi Date: 12 / 11 / 84

RESIDENT ALIEN

U.S. Department of Justice, Immigration and Naturalization Service

NGUYEN-THANH THI



021060 LT

A75804832

NOU REL

Thanh



ALIEN REGISTRATION RECEIPT CARD

PERSON IDENTIFIED BY THIS CARD IS ENTITLED TO RESIDE PERMANENTLY AND WORK IN THE U.S.

25004832	11	96	065	662	41203
A NUMBER	AGE	CA	SEX	DATE	PARTY 1
8773	23902	01510	82260	19983	
DOB	EXP 1	EXP 2	EXP 3	PARTY 2	
051380	266	069	14250	7503856	
ARRIVAL DATE	COB	ISS DATE	EXPIRATION	PARTY 3	

migration and refugee services-

AN AGENCY OF CATHOLIC CHARITIES—DIOCESE OF DALLAS

3845 Oak Lawn Avenue • Dallas, Texas 75219 • (214) 528-4870

AFFIDAVIT

I, NGUYEN THANH THI born on 2/10/60 in QUANG NAM PROVINCE VIETNAM
presently residing at _____

being duly sworn depose and say:

That I am the SPONSOR of NGUYEN HUU LY born on
SEP/20/27 in QUANG NAM VIETNAM, who is presently
in 217/10 THICH QUAN & DUC HO CHI MINH VIETNAM.

That I have asked the assistance of the United States
Catholic Conference in arranging the movement of _____
to the United States.

That if he is brought to the United
States, I will take full and responsibility for him.

That I am his closest relative in the United States.

I hereby relieve the United States Catholic Conference of
any responsibility for the care and custody of _____
as soon as he/she reaches the United States.

That an Affidavit of Support is also herewith submitted
on him behalf.

I swear and attest that above statements are true.

X Thi

Subscribed and sworn to

before me this 13th day of December 1984

Leck Kewicay
Notary Public 5-21-88

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA): NGUYEN HUU LY
(Listed on Page 1).

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO P.A.
NGUYEN THI LACHU F	Oct 23/55 ^{VN/M}	Daughter
NGUYEN THI LIEN HUONG F	Sep 12/60 VN/M	" -
NGUYEN HUU TRIET M	Sep 29/62	Son
NGUYEN HUU THUYET M	May 8/64	Son
NGUYEN HUU VAN M	Aug 30/66	Son
NGUYEN HUU HAO M	Aug 12/68	Son
NGUYEN HUU HUNG M	Feb 21/73	Son -

ADDITIONAL INFORMATION:



NATIONAL OFFICE

USCC Reference No. _____

MIGRATION AND REFUGEE SERVICES

ODP-IV No. _____
(If known)1312 MASSACHUSETTS AVENUE, N. W. • WASHINGTON, D. C. 20005
(202) 659-6646/6647

ORDERLY DEPARTURE PROGRAM (VIETNAM)

Date filed: 12-13-84 Diocese of: DALLASYour Name: Mr/Mrs/Miss NGUYEN THI THANH Phone: (Home) _____
(Family name) (Middle name) (First) (Work) _____Your Address: _____
(Number) (Street) (City/County) (State) (Zip)Date of Birth: 02/10/60 Place of Birth: QUANG NAM VIETNAM

Date of Entry to U.S. _____ From (country or camp): _____

My Alien Registration Number is 25004832 My Naturalization Certificate No. is _____Legal Status: Parolee _____ Permanent Resident Alien X U.S. Citizen _____THE FOLLOWING ARE PERSONS IN VIETNAM KNOWN TO ME AND WHO MAY BE ELIGIBLE TO ENTER THE U.S.
AS FORMER U.S. GOVERNMENT EMPLOYEE OR CLOSE ASSOCIATE TO THE U.S. OR ASIAN-AMERICANS:

Name of Principal Emigrant	Date/Place of Birth	Relation (if any)	Address in Vietnam
<u>NGUYEN THI LY</u>	<u>SEP 20 1927 VIETNAM</u>	<u>Uncle</u>	<u>217/14 Thich Quang Duc HCM</u>
<u>Tran Thi Thanh</u>	<u>MAY 12 1932 VIETNAM</u>	<u>Aunt</u>	<u>217/14 Thich Quang Duc</u>

Number of close relatives accompanying Principal Emigrant: _____ (Full List on back)

U.S. GOVERNMENT EMPLOYEE:

DESCRIPTION OF PAST ASSOCIATION (of Emigrant)

U.S. Government Agency _____ Last Title/Grade _____
Name/Position of Supervisor _____

EMPLOYEE OF AMERICAN COMPANY OR ORGANIZATION:

U.S. Company, Contractor, Agency, Organization or Foundation U S M Ls - tank Training Force
Last Title/Grade: _____ Name/Position of Supervisor: Major Butner (1965)

EMPLOYEE OF VIETNAMESE GOVERNMENT (prior to 1975):

Ministry or Military Unit 11th ARMY Squadron Last Title/Grade Lieutenant Colonel
Name/Position of Supervisor General Commander Nguyen duy Hinh
Was time spent in re-education camp? Yes X No _____ How long? 08 years, 4 months

FORMER STUDENT IN U.S. OR ABROAD UNDER U.S. GOVERNMENT SPONSORSHIP

School ARMY Training School Location FORT LEXY KENTUCKY USA
Type of Degree or Certificate ARMY COMMAND COURSE
Dates of Employment or Training FEB 1962 to MAY 1962
(month/year) (month/year)

ASIAN-AMERICANS: Single _____ Married _____ Male _____ Female _____

Full name of the mother: _____ Her age: _____ Address: _____
Full name of the U.S. Citizen Father (if known): _____
His current address: _____

I swear that the above information is true to the best of my knowledge.

Signature: [Signature] Date: 12-13-84SUBSCRIBED AND SWORN BEFORE ME THIS 13th December (Date) 1984Signature of Notary Public Nick McClellan County of: DALLAS, TEXAS

MINISTRY OF INTERIORS

HAM TAN CAMP

No : GRT

REPUBLIC SOCIALIST OF VIETNAM
Independence - Liberty - Happiness

CAMP RELEASE

By Intruction no 966 - BCA/TT dated May 31, 1981 of the
Ministry of Interiors.

In execution of decision no #93 dated September 29, 1983
of the Ministry of Interiors.

This Release is awarded to the following name:

Name : NGUYEN HUU LY Born on 1927
Nick name : NGUYEN HUU LY
Birth place : Quang Nam
Current Reg'd residence 54c Thai Phien Quang Nam, Danang
Charge : Lieutenant colonel Armor calvary commander.

Date of arrest : June 15, 1975

Punishment : Re-education camp

Current residence 54c Thai Phien Quang Nam Da Nang

Observations of re-education progress :

MENTAL STABILITY : satisfactorily reeducated, no obvious
anything bad, believed the tolerance policy of the Govern-
ment.

LABOR : Has show effort to observe regulations and to meet
the goal.

DISCIPLINE : No major violation.

EDUCATION : Regular attendance, making progress.
(12 months restriction)

Report to the people's committee : residence.

Finger print

Index finger of Nguyen huu Ly

Signature of the recipient

Nguyen huu Ly Signed

October 26, 1983

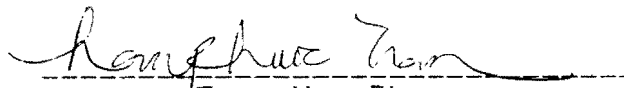
Supervisor

Signed/Sealed

Major: Nguyen Anh Quang

=====

I certify that I am competent to translate Vietnamese
into English and that the above translation is accurate to
the best of my knowlegde.


Tran Han Phuoc

Before me this day personally appears the translator
whose signature appears above, who by me being duly sworn
upon oathsays that the statement set forth above is true and
correct.

Subcribed and sworn and to before me this day of 1989

Dallas County, Texas

Notary Public

BỘ NỘI VỤ
Trại Điền Tân
Số GRI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QUTG, ban hành theo công văn số 2563 ngày 27 tháng 11 năm 1972

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thực hiện án văn, quyết định tha số 93 ngày 29 tháng 09 năm 1983

của Bộ nội vụ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh NGUYỄN HỮU LÝ Sinh năm 19 27

Các tên gọi khác Nguyễn Hữu Lý

Nơi sinh Quảng Nam

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt 54C Thái Phiên Quảng Nam, đã năng .

Trang 7a. Thiết
Căn cứ thiếu tá tiêu đoàn trưởng kỵ binh .

Bị bắt ngày 15/06/75 An phạt TTCT

Theo quyết định, án văn số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của _____

Đã bị công án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Đã được giảm án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Nay về cư trú tại 54C Thái Phiên Quảng Nam, đã năng .

Nhận xét quá trình cải tạo

Tư tưởng : Tỏ ra yên tâm học tập cải tạo không có biểu hiện gì xấu tin tưởng vào đường lối giáo dục của cách mạng .

Leo động : tham gia đủ ngày công hoàn thành công việc được giao có chất lượng .

Nội quy : chấp hành nghiêm không sai phạm gì lớn .

Học tập : tham gia học tập đều có chiều hướng tiến bộ .
(quan cho 12 tháng)

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã: _____ Nơi cư trú _____

Trước ngày _____ tháng _____ năm 19 _____

Lên tay người trả phí
của Nguyễn Hữu Lý
Danh bìn số _____
Lập tại _____



Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Nguyễn Hữu Lý

Ngày 26 tháng 10 năm 19 83

Q. Giám thị

Quản

THIÊN TÀI: NGUYỄN ANH TRUNG